| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN LỨC**<br>TỈNH LONG AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 25/3/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Thái Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Nguyễn Văn Cao

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Lê Phước Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 596/2024/TLST-DS ngày 20/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 22/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ngân hàng TT; Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường V, Quận B , Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà N - Tổng Giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà N*: Công ty S; Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường V, Quận B , Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022);

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty S:* Ông Kh - Nhân viên Công ty S (theo Giấy ủy quyền số 6026/2024/UQ-TGĐ ngày 27/8/2024);

*Bị đơn:* Ông H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố B, đường N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

*(Nguyên đơn vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TT (từ đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền là ông Kh trình bày:*

Ngày 02/05/2012, ông P có ký kết với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P , Ngân hàng đã đồng ý cấp hai thẻ tín dụng (gồm thẻ Visa Credit Classic 3796841660 và thẻ Family Local Credit 3558518746) với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng, lãi suất thẻ Visa Credit Classic 3796841660 là 2.15% và thẻ Family Local Credit 3558518746 áp dụng lãi suất 2.5%, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra, còn thỏa thuận áp dụng lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ bằng thông báo cụ thể của Ngân hàng, trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì toàn bộ dư nợ sẽ trở thành nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.300.000 đồng (trong đó thẻ Visa Credit Classic 3796841660 là 4.000.000 đồng, thẻ Family Local Credit 3558518746 là 10.300.000 đồng). Từ ngày được kích hoạt thẻ đến nay, ông P chỉ thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 5.555.000 đồng, trong đó gồm thanh toán cho thẻ Visa Credit Classic 3796841660 số tiền là 2.055.000 đồng và thanh toán cho thẻ Family Local Credit 3558518746 số tiền là 3.500.000 đồng theo thứ tự thanh toán căn cứ tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sau đó thì ông P ngưng không tiếp tục thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ, như vậy ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P (thẻ Visa Credit Classic 3796841660 chấm dứt ngày 08/5/2013, thẻ Family Local Credit 3558518746 chấm dứt ngày 21/4/2013), đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, tính đến ngày 25/3/2025 thì ông P còn nợ tổng số tiền là 93.059.662 đồng, cụ thể như sau: Đối với thẻ Visa Credit Classic 3796841660, áp dụng lãi suất quá hạn là 3.225% (2.15% x 150%) trên dư nợ quá hạn là 4.296.421 đồng thành lãi quá hạn là 20.046.460 đồng, tổng nợ của thẻ này là 24.342.881 đồng; Đối với thẻ Family Local Credit 3558518746, áp dụng lãi suất là 3.75% (2.50% x 150%) trên dư nợ quá hạn là 10.659.756 đồng thành lãi quá hạn là 58.057.025đồng, tổng nợ của thẻ này là 68.716.781 đồng.

Mặc dù đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn là đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Hoàng Minh Quốc P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 93.059.662 đồng, trong đó gồm dư nợ quá hạn là 14.956.177 đồng, lãi quá hạn là 78.103.485 đồng; Ông Hoàng Minh Quốc P có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Hoàng Minh Quốc P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông P vẫn tiếp tục vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông P vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền. Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc ký Hợp đồng ngày 02/5/2012 giữa Ngân hàng và ông P là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và trách nhiệm hành vi dân sự. Hợp đồng thể hiện đầy đủ thông tin của các bên cũng như điều khoản tín dụng và trường hợp vi phạm. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là đã cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, nhưng ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ và tiếp tục chịu lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết nên có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

## NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán toàn bộ nợ vay phát sinh từ hợp đồng, đồng thời xác định thông tin cư trú của bị đơn trong đơn khởi kiện được nguyên đơn ghi đúng theo địa chỉ mà bị đơn đã tự cung cấp trong Hợp đồng. Cho nên, căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 "Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án", Tòa án xác định bị đơn trong vụ án này có nơi cư trú tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An là phù hợp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện liên quan đến hợp đồng tín dụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự vắng mặt, Tòa án đã tiến hành gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tống đạt các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức, nội dung Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng): Hợp đồng được xác lập giữa Ngân hàng và ông P ngày 02/05/2012 trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có hình thức phù hợp theo quy định tại các Điều 407 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại mục chữ ký và họ tên của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng có chữ ký "P " và chữ viết "Hoàng Minh Quốc P ", ông P không có ý kiến phản đối hoặc không thừa nhận chữ ký và chữ viết này là của mình. Do đó, Hợp đồng tín dụng được xác định là hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì ông P được cấp 2 thẻ tín dụng bao gồm thẻ Visa Credit Classic 3796841660, thẻ Family Local Credit 3558518746. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận lãi suất, P thức thanh toán là chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ, theo thỏa thuận tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì "việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, nếu chủ thẻ có nhiều hơn một thẻ tại Sacombank, việc vi phạm ở một thẻ sẽ tự động được xem là vi phạm ở tất cả các thẻ khác". Do đó, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng và ông P có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, hạn mức dùng chung là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 5.555.000 đồng thì ngưng không thanh toán nữa mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Xét thấy, tổng số tiền mà ông P đã thanh toán cho Ngân hàng là 5.555.000 đồng là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán

với Ngân hàng theo thỏa thuận. Việc ông P không thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 20, 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Theo mục 24.4 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì khi có vi phạm xảy ra Ngân hàng được quyền "*Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ ... khởi kiện chủ thẻ*", do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 25/3/2025 là 93.059.662 đồng, trong đó gồm dư nợ quá hạn là 14.956.177 đồng, lãi quá hạn là 78.103.485 đồng. Ngoài ra, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông P tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thanh toán xong hết nợ (áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại "*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 02/5/2012)* là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông P phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

[2.4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 188, Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 407, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 "Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án";

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT đối với bị đơn ông Hoàng Minh Quốc P về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1 Buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TT số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2025 là 93.059.662 đồng (chín mươi ba triệu không trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó gồm dư nợ quá hạn là 14.956.177 đồng (mười bốn triêu chín trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng), lãi

quá hạn là 78.103.485 đồng (bảy mươi tám triệu một trăm lẻ ba nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

1.2 Kể từ ngày 26/3/2025, ông P còn phải chịu lãi phát sinh cho Ngân hàng TT theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/05/2012 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Tổng cộng là 4.652.983đồng (bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) do ông Hoàng Minh Quốc P phải chịu toàn bộ.

2.2 Hoàn trả cho Ngân hàng TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.228.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007294 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

**Thái Thị Thanh Thúy**